TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 05-3-2019.

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hoàng Vũ.

Bà Quang Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS, ngày 02/01/2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-DS ngày 13/02/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1985; trú tại: Số nhà 454/4, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978; trú tại: Số nhà 478/4, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2016, anh Nguyễn Văn Th có nhiều lần mua phân bón và thuốc trừ sâu tại cửa hàng vật tư nông nghiệp do anh Nguyễn Anh T làm chủ. Hình thức mua bán là khi anh Th mua hàng thì anh T ghi tên mặt hàng và số tiền vào sổ của anh T và ghi sổ con giao cho anh Th giữ. Hình thức thanh toán thì anh T cho anh Th nợ khi đến vụ thu hoạch thì trả. Việc thanh toán cũng được ghi vào sổ như trên. Đến khoảng năm 2012 thì anh T ngưng không bán cho anh Th nữa, do anh Th đã thu hoạch xong mùa vụ nhưng vẫn chưa thanh toán hết nợ. Sau đó, anh Th có trả dần nên đến năm 2013 thì anh T tiếp tục bán phân bón và thuốc trừ sâu cho anh Th đến năm 2016 thì không còn bán nữa. Anh Th đã thanh toán nhiều lần nhưng không thanh toán dứt điểm. Ngày 28/9/2018 thì hai bên để đối chiếu nợ. Theo đó, số tiền vốn anh Th còn nợ là 233.639.000 đồng. Anh Th thống nhất với số tiền nợ còn lại nên đã đồng ý ký tên xác nhận vào biên nhận ngày 28/9/2018.

Nay Nguyễn Anh T yêu cầu anh Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ còn lại là 233.639.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn Th có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Anh Nguyễn Văn Th thừa nhận có mua phân bón và thuốc trừ sâu tại cửa hàng vật tư nông nghiệp do anh Nguyễn Anh T làm chủ về thời gian và hình thức mua bán thanh toán như anh T trình bày. Trong quá trình mua bán anh Th đã làm thất lạc quyển sổ nhỏ theo dõi do anh T giao. Anh Th đã trả tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu cho anh T nhiều lần, nhưng không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Anh Th xác định là số tiền nợ mua phân bón và thuốc trừ sâu là hơn 300.000.000 đồng. Sau đó, anh Th đã trả nhiều lần và hai bên đã đối chiếu với nhau vào ngày 28/9/2018 (có làm biên nhận do anh T ghi và chữ ký tên và ghi họ tên là do anh Th ký tên và ghi họ tên) thì số tiền anh Th hiện còn nợ là 233.639.000 đồng.

Nay anh Th đồng ý trả số tiền 233.639.000đồng cho anh T. Anh Th đề nghị được trả mỗi quý là 20.000.000 đồng, tương đương một năm là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, về án phí dân sự sơ thẩm, anh Th cho rằng anh T là người khởi kiện nên anh T phải chịu tiền án phí, còn anh Th không phải chịu tiền án phí. Ngoài ra, anh Th không có ý kiến gì trình bày thêm.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý trả cho anh T số tiền nợ mua phân bón và thuốc trừ sâu là 233.639.000 đồng và đề nghị anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Anh T và anh Nguyễn Văn Th.

Nguyễn Văn Th tự nguyện trả cho anh Nguyễn Anh T tiền mua phân bón thuốc trừ sâu còn nợ là 233.639.000đồng.

Anh Nguyễn Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Anh T yêu cầu anh Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ còn lại là 233.639.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Th thừa nhận có mua phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Anh T nhiều lần, bắt đầu từ năm 2011 đến năm 2016. Trong quá trình mua bán, ngày 28/9/2018 các bên đã đối chiếu nợ, anh Th thống nhất và ký tên xác nhận vào biên nhận là còn nợ anh T số tiền 233.639.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy

định: " *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luật của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, việc anh Th thừa nhận tình tiết và văn bản mà anh T đưa ra thì anh T không phải chứng minh. Trên cơ sở đó, xác định anh Th có mua phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Anh T và còn nợ anh T số tiền 233.639.000 đồng là thực tế.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 mà có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về Hợp đồng mua bán tài sản:

"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán".

Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về Nghĩa vụ trả tiền:

"1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản.

2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

[3] Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự thì anh Nguyễn Văn Th thừa nhận có mua phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Anh T và xác nhận còn nợ anh T số tiền 233.639.000 đồng, phù hợp với chứng cứ của anh Nguyễn Anh T cung cấp. Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên nên công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và anh Nguyễn Văn Th. Anh Nguyễn Văn Th tự nguyện trả cho anh Nguyễn Anh T tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 233.639.000 đồng là phù hợp.

Anh Nguyễn Anh T không yêu cầu tính lãi chậm trả nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th không đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, vì anh Th cho rằng anh Nguyễn Anh T là người khởi kiện nên phải chịu là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi vì, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chịu án phí:

"*1. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm.*"

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án quy định;

"*2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.*"

Căn cứ vào quy định của pháp luật nêu trên thì việc anh T yêu cầu anh Th trả số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 233.639.000 đồng và anh Th đồng ý. Theo đó, anh Th không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm là không có căn cứ. Vì vậy, buộc anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch. Theo đó, mức án phí dân sự sơ thẩm anh Th phải chịu theo quy định là: " *từ 6.000.000đồng đến 400.000.000đồng là 5% giá trị tài sản có tranh chấp"*. Vì vậy, anh Nguyễn Văn Th phải nộp 11.681.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án quy định.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và anh Nguyễn Văn Th. Anh Nguyễn Văn Th tự nguyện trả cho anh Nguyễn Anh T số tiền nợ vốn mua bán phân bón, thuốc trừ sâu là 233.639.000 đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi chin nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Anh T mà anh Nguyễn Văn Th chưa thi hành các khoản tiền phải trả cho anh Nguyễn Văn Th thì hàng tháng anh Nguyễn Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 11.681.950 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, chín trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Anh T số tiền 5.489.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0002647, ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Chi cục THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hoàng